

HƯỚNG DẪN ÔN THI VÀO LỚP 10 PHẦN VĂN NGHỊ LUẬN

A. Những vấn đề cơ bản về văn nghị luận

I. Về kiểu bài nghị luận:

Văn nghị luận là loại văn bản thiên về việc trình bày các lí lẽ, ý kiến... nhằm tác động vào lí trí, trí tuệ của người đọc để giải thích, chứng minh, biện luận, thuyết phục người đọc về một vấn đề nào đó về xã hội hay văn học. Muốn làm tốt kiểu bài nghị luận, người viết cần giải quyết tốt các yêu cầu sau:

- Xác định rõ nội dung cần nghị luận và phạm vi tư liệu cần vận dụng.
- Xác định kiểu bài nghị luận và yêu cầu nghị luận: giải thích, chứng minh, phân tích hay là nêu suy nghĩ, trình bày ý kiến...
- Lập dàn ý cho bài viết.

Dựa vào yêu cầu đã xác định, người viết huy động vốn tri thức, vốn sống để tìm và lựa chọn hệ thống luận điểm, luận cứ cho bài viết của mình.

2. Về luận điểm trong văn nghị luận:

Giáo viên giúp học sinh hiểu được: Luận điểm là tư tưởng, quan điểm của người viết đối với vấn đề nghị luận. Luận điểm trong văn bản nghị luận được thể hiện dưới hình thức những câu văn có tính chất khẳng định hay phủ định. Luận điểm đưa ra phải có tính chất đúng đắn, sáng rõ, mới mẻ và tập trung.

- **Luận điểm 1:** Ăn cho mình, mặc cho người, có nghĩa là ăn mặc phải phù hợp với đạo đức, tức là tuân thủ những quy tắc ngầm mang tính văn hóa xã hội
- **Luận điểm 2:** Y phục xứng kỳ đức, có nghĩa là trang phục phải phù hợp với đạo đức và môi trường xung quanh.

Sau khi nêu lên hai luận điểm về trang phục chỉnh tề, tác giả đã lần lượt sử dụng lí lẽ, các luận cứ về các mặt, các đặc điểm, phương diện khác nhau của trang phục đem ra so sánh đối chiếu để làm sáng tỏ từng luận điểm.

3. Về luận cứ trong văn nghị luận:

Luận cứ bao gồm lí lẽ và dẫn chứng.

- Luận cứ là cơ sở hình thành luận điểm, là chỗ dựa cho luận chứng và là cơ sở cho bài văn nghị luận.
- Luận cứ phải có mối liên hệ logic với luận điểm. Luận cứ phải mang tính khách quan điển hình và toàn diện trên các mặt các phương diện khác nhau của đời sống xã hội. Để có luận cứ, người viết phải có khả năng liên hệ với thực tế đời sống.

4. Về lập luận:

- Lập luận là nêu lên những ý kiến của người viết về một vấn đề nhất định bằng cách đưa ra các lí lẽ xác đáng. Lập luận trong văn bản nghị luận cũng rất quan trọng, bởi lẽ lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc, người nghe đến một kết luận nào đó mà người nói muốn đạt tới. Lập luận càng chặt chẽ, hợp lí thì sức thuyết phục của văn bản càng cao.

- Trong chương trình Ngữ văn THCS, học sinh đã được làm quen với các phương pháp lập luận như: Lập luận giải thích, lập luận chứng minh, lập luận phân tích và tổng hợp. Để bài văn nghị luận được sâu sắc, người viết ngoài việc sử dụng linh hoạt các phương pháp lập luận cần phải có những giả thiết, so sánh, đối chiếu để làm sáng tỏ vấn đề.

Ví dụ: Trong văn bản: Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới, tác giả Vũ Khoan đã đưa ra một loạt những so sánh, đối chiếu kết hợp với các dẫn chứng tiêu biểu xác thực để thế hệ trẻ nhận thấy được những điểm mạnh, điểm yếu của người Việt Nam khi bước vào thế kỷ mới. Cụ thể là:

Cái mạnh	Cái yếu
- Thông minh, nhạy bén với cái mới. - Cần cù sáng tạo trong lao động. - Có tinh thần đoàn kết đùm bọc thương yêu giúp đỡ nhau. - Có khả năng thích ứng nhanh với cái mới.	- Hồng kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học thời thượng, kém về khả năng thực hành - Thiếu đức tính tỉ mỉ, hay đại khái qua loa, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ. - Đổ kỵ trong làm ăn, kinh doanh. - Thói khôn vặt, bóc ngắn cắn dài.

B. Các kiểu văn nghị luận cơ bản

- Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống xã hội.
- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí
- Nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)
- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

Để làm tốt bốn kiểu bài nghị luận này, trong quá trình giảng dạy, ngoài các kiến thức cơ bản về kiểu văn bản nghị luận như đã nêu ở trên, mỗi giáo viên cần chú ý củng cố cho học sinh kỹ năng về từng kiểu bài, phân biệt sự giống và khác nhau của các kiểu bài ấy. Cụ thể là:

I. Kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống:

1. Về lí thuyết:

- Thông qua các văn bản mẫu trong sách giáo khoa, giáo viên hướng dẫn học sinh tìm ra đặc trưng của kiểu bài này về các mặt: Khái niệm, nội dung, hình thức.
- Nắm được yêu cầu từng phần của kiểu bài sẽ giúp học sinh không nhầm lẫn với các kiểu bài khác.

Ví dụ: Bố cục của bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống gồm ba phần:

- + Mở bài: Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.
- + Thân bài: Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá, nhận định.
- + Kết bài: Kết luận, khẳng định, phủ định đưa ra lời khuyên.

Học sinh lưu ý:

- Đối với các sự việc hiện tượng tốt, tích cực cần có những liên hệ về các tấm gương người thực việc thực làm luận cứ để làm sáng tỏ. Với dạng bài này thì ngoài phương thức nghị luận là chính thì các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm cũng đóng vai trò rất quan trọng. Phương pháp lập luận chính của dạng bài này là dùng dẫn chứng để chứng minh vấn đề.
- Đối với những kiểu bài là những sự việc hiện tượng xấu, tiêu cực, phần thân bài cần đi theo trình tự sau:
 - + Những biểu hiện của sự việc hiện tượng.
 - + Nguyên nhân của sự việc hiện tượng.
 - + Tác hại (hậu quả) của hiện tượng
 - + Biện pháp, giải pháp khắc phục...

II. Kiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

1. Về lí thuyết:

- Hiểu được bản chất của kiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí là bàn về một vấn đề tư tưởng, lối sống, đạo đức... của con người.
- Tư tưởng, đạo đức, lối sống ... được thể hiện qua những câu ca dao, tục ngữ, những câu danh ngôn, những câu nói nổi tiếng của các danh nhân... Tư tưởng, đạo đức, lối sống còn được thể hiện qua những câu nói ngắn gọn mang đậm chất triết lí.
- Để làm tốt được kiểu bài này, ngoài việc nắm được đặc trưng của kiểu văn bản nghị luận, người viết còn phải vận dụng linh hoạt linh hoạt các phép lập luận như: giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích... để chỉ ra chỗ đúng (chỗ sai, những hạn chế

của vấn đề tư tưởng đạo lí). Từ đó đưa ra các nhận xét, đánh giá, nhận định của người viết để giúp người đọc hiểu được vấn đề.

- Nắm được yêu cầu từng phần của kiểu bài. Cụ thể là:

* Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề tư tưởng đạo lí cần bàn luận

* Thân bài: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm dàn ý theo trình tự sau:

+ Giải thích nội dung ý nghĩa của tư tưởng đạo lí: đối với những câu ca dao, tục ngữ cần giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng rồi rút ra vấn đề cần bàn luận

+ Khẳng định khía cạnh đúng đắn của vấn đề tư tưởng đạo lí.

+ Liên hệ với thực tế đời sống để so sánh, đối chiếu, phân tích, chứng minh tính đúng đắn của tư tưởng đạo lí.

+ Bàn luận, mở rộng trong bối cảnh riêng, chung để bác bỏ những quan điểm sai trái đi ngược lại vấn đề tư tưởng đạo lí mà đề bài đã nêu ra.

* Kết bài: Kết luận tổng kết, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.

Lưu ý:

- Học sinh thấy được sự khác nhau cơ bản giữa kiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí với kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống là:

+ Nếu nghị luận về một sự việc hiện tượng đi từ những sự việc hiện tượng trong đời sống, phân tích đánh giá các phương diện khía cạnh của hiện tượng rồi khái quát thành tư tưởng đạo lí.

+ Nếu là kiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí lại đi từ giải thích, chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề. Từ lưu ý trên, học sinh sẽ không có sự nhầm lẫn về kiểu bài khi làm.

- Việc đưa ra các nhận định, đánh giá phải phù hợp thiết thực với thực tế đời sống con người. Luận cứ phải chính xác, nhất quán, đáng tin cậy và có tính thuyết phục cao.

III. Kiểu bài phân tích nhân vật

khi hướng dẫn học sinh phân tích nhân vật trong các tác phẩm truyện mỗi giáo viên cần nắm và hiểu rõ về nhân vật trong tác phẩm: Nhân vật trong tác phẩm tự sự bao giờ cũng mang tính cách số phận riêng. Muốn phân tích nhân vật ta phải căn cứ vào các chi tiết, phương diện liên quan đến nhân vật như: Lai lịch, ngoại hình, ngôn ngữ, hành vi cử chỉ và nội tâm.

1. Về lai lịch: Lai lịch của nhân vật trong văn bản tự sự có thể hiểu là thành phần xuất thân hay hoàn cảnh gia đình. Lai lịch của nhân vật cũng góp phần chi phối đặc điểm tính cách nhân vật.

2. Về ngoại hình: Giáo viên cần hiểu được việc miêu tả ngoại hình trong văn bản tự sự cũng là cách để nhà văn hé mở tính cách nhân vật. Một nhà văn có tài thường chỉ qua một số nét phác họa có thể giúp người đọc hình dung ra diện mạo, tư thế và bản chất của nhân vật đó. Từ quan điểm về ngoại hình như trên, giáo viên linh hoạt vận dụng phương pháp DH, tổ chức, hướng dẫn học sinh khai thác để khái quát lên đặc điểm tính cách nhân vật.

3. Về ngôn ngữ nhân vật: Ngôn ngữ nhân vật cũng góp phần thể hiện trình độ văn hóa, tính cách nhân vật. Ngôn ngữ nhân vật gồm: Ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại và ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

4. Về cử chỉ, hành động của nhân vật: Phẩm chất, tính cách của nhân vật cũng được thể hiện qua hành động và cử chỉ bởi lẽ nhân vật trong tác phẩm trước hết là con người của hành động và hành động của con người được thể hiện qua hành vi.

5. Về nội tâm của nhân vật: Là thế giới bên trong của nhân vật gồm: cảm xúc tình cảm, tâm lí, suy nghĩ của nhân vật. Nội tâm nhân vật có thể được miêu tả trực tiếp hoặc gián tiếp.

Trên đây là một số nội dung chính hướng dẫn ôn thi vào lớp 10 môn Văn Nghị luận giúp các bạn có thêm những kiến thức cơ bản và định hướng ôn tập môn văn thật tốt, nâng cao điểm thi vào lớp 10 của mình.